TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27/6/2019

V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Văn Vinh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lâm Ngọc Hà**
2. Ông **Nguyễn Văn Ngư**

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Thanh, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu THnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu THnh: Bà **Huỳnh Mộng Kiều** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2019/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 09/5/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2019/ QĐST- HNGĐ ngày 28/5/2019; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thế H, sinh năm 1984 *(có mặt).*

Địa chỉ số: Ấp Bưng T, xã An H, huyện Châu T, tỉnh Sóc T.

2. *Bị đơn*: Ông Tăng U, sinh năm 1987 *(vắng mặt).*

Địa chỉ số: Ấp Bưng T, xã An H, huyện Châu T, tỉnh Sóc T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/12/2018, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thế H, trình bày:

Bà và ông U kết hôn năm 2003, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An H, huyện Châu T, tỉnh Sóc T. Và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/11/2009.

Thời gian đầu bà H và ông U chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến ngày 15 tháng 6 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông U có quan hệ với người phụ khác bên ngoài, vợ chồng thường xuyên cự cải, từ đó dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống.

Từ tháng 6/2017 đến nay bà, ông đã ly thân, mỗi người sống mỗi nơi, không ai quan tâm đến ai.

Nay bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nửa. Vì vậy bà H làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông U.

Về con chung: Bà H khai vợ chồng có một con chung tên: Tăng Minh N, sinh ngày 27/10/2003.

Bà H xin được nuôi dưỡng con chung tên Tăng Minh N, yêu cầu ông U cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông U được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên Tòa, nhưng ông Uđều vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xét áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến Hnh xét xử vắng mặt ông.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông U là quan hệ hợp pháp. Qua quá trình chung sống do hai bên bất đồng về quan điểm sống, không quan tâm đến nhau, nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau. Bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, được cha mẹ hai bên đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông U đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà H xin ly hôn là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung**:** Bà H có nguyện vọng được nuôi một con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, ông U từ khi thụ lý, hòa giải cũng như tại phiên Tòa hôm nay đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày gì đối với việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 15/02/2019 cháu Tăng Minh N trình bày nguyện vọng, nếu cha mẹ ly hôn cháu xin được ở với mẹ. Bà H là công nhân thủy sản Sạch tại Khu công nghiệp An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc T, thu nhập bình quân 5.000.000đ/ tháng đảm bảo điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng cháu Tăng Minh N, nên Hội đồng xét xử, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của bà H, giao cháu: Tăng Minh N , sinh ngày 27/10/2003, cho bà H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy bà H yêu cầu ông U cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật là có căn cứ, vì theo quy định khoản 2 Điều 82 Luật Hôn và gia đình cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, cần buộc ông U phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 695.000đ.

[5] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 án phí và lệ phí Tòa án bà H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân.

[8] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc

chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thế H đối với bị đơn Tăng U về việc "tranh chấp ly hôn và nuôi con", nguyên đơn Nguyễn Thế H được ly hôn với bị đơn Tăng U; giao cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên: Tăng Minh N, sinh ngày 27/10/2003, và bị đơn có nghĩa cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2,3 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thế H.

- *Về hôn nhân*: Bà Nguyễn Thế H được ly hôn với ông Tăng U.

- *Về con chung*: Giao con chung tên: Tăng Minh N, sinh ngày 27/10/2003, cho bà H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng tHnh.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Tăng U có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Tăng Minh N mỗi tháng 695.000đ, cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

- Ông Tăng U được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thế H phải chịu 300.000đ, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0003848, ngày 24/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu T; bà H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Ông Tăng U phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là: 300.000đ

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Tòa án tỉnh;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

- VKSND huyện Châu THnh;
- Chi cục THADS huyện CT;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- cơ quan đang ký kết hôn.

Võ Văn Vinh